

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2023
(Dự kiến)

1. Phương thức tuyển sinh

1.1. Xét tuyển

a) Phương thức xét tuyển: Có 2 phương thức

- Xét tuyển sử dụng kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2023 với tất cả các ngành, chuyên ngành. Các tổ hợp có môn Vẽ Mỹ thuật kết hợp với kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (sau đây viết tắt gọi là Trường), trong đó môn Vẽ Mỹ thuật là môn thi chính, nhân hệ số 2;

- Xét tuyển sử dụng kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2023 do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì tổ chức (sau đây gọi tắt là ĐGTD) (Trừ các tổ hợp có môn Vẽ Mỹ thuật);

b) Các ngành, chuyên ngành xét tuyển căn cứ vào chỉ tiêu, nguyện vọng và kết quả điểm xét tuyển, không phân biệt tổ hợp môn xét tuyển. Không sử dụng tiêu chí phụ trong xét tuyển.

1.2. Xét tuyển kết hợp:

a) Đối tượng 1:

Đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Điều kiện thứ nhất: Thí sinh có chứng chỉ quốc tế Tiếng Anh (Tiếng Pháp) tương đương IELTS 5.0 trở lên, hoặc có kết quả trong kỳ thi SAT đạt từ 1100/1600, hoặc ACT đạt từ 22/36. Các chứng chỉ còn hiệu lực tính đến ngày xét tuyển.

- Điều kiện thứ hai: Có tổng điểm 02 môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 thuộc tổ hợp xét tuyển đạt $\geq 12,0$ điểm, trong đó có môn Toán và 01 môn khác không phải ngoại ngữ. Với các tổ hợp có môn Vẽ Mỹ thuật, tổng điểm môn Toán của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và điểm môn Vẽ Mỹ thuật của Trường năm 2023 đạt $\geq 12,0$ điểm.

b) Đối tượng 2:

Đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Điều kiện thứ nhất: Thí sinh đoạt các giải nhất, nhì, ba các môn thi học sinh giỏi từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các môn đoạt giải gồm: Toán (Tin học), Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Tiếng Anh (Tiếng Pháp), Địa lý được xét tuyển theo ngành/chuyên ngành phù hợp với môn đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Điều kiện thứ hai: Có tổng điểm 02 môn thi (không tính môn đoạt giải) trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 thuộc tổ hợp xét tuyển đạt $\geq 12,0$ điểm. Với các tổ hợp có môn Vẽ Mỹ thuật, tổng điểm môn Vẽ Mỹ thuật của Trường và 01 môn thi của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (không tính môn đoạt giải) theo tổ hợp xét tuyển đạt $\geq 12,0$ điểm.

1.3. Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Ngành, chuyên ngành, tổ hợp môn xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Ngành/ Chuyên ngành	Mã tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển thi THPT	Chỉ tiêu (đự kiến)
1	Ngành Kiến trúc	7580101	V00, V02, V10	250
2	Ngành Kiến trúc/Chuyên ngành Kiến trúc công nghệ (*)	7580101_02	V00, V02	50
3	Ngành Kiến trúc cảnh quan (*)	7580102	V00, V02, V06	50
4	Ngành Kiến trúc nội thất (*)	7580103	V00, V02	50
5	Ngành Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	V00, V01, V02	50
6	Ngành Quy hoạch vùng và đô thị/ Chuyên ngành Quy hoạch - Kiến trúc (*)	7580105_01	V00, V01, V02	50
7	Ngành Kỹ thuật xây dựng/Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201_01	A00, A01, D07, D24, D29	770
8	Kỹ thuật xây dựng/Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật trong công trình (*)	7580201_02	A00, A01, D07	150
9	Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Tin học xây dựng	7580201_03	A00, A01, D07	100
10	Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Có 08 chuyên ngành (*): 1) Địa Kỹ thuật công trình và Kỹ thuật địa môi trường 2) Kỹ thuật Trắc địa và Địa tin học 3) Kết cấu công trình 4) Công nghệ kỹ thuật xây dựng 5) Kỹ thuật Công trình thủy 6) Kỹ thuật công trình năng lượng 7) Kỹ thuật Công trình biển 8) Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580201_04	A00, A01, D07	220
11	Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông/ Chuyên ngành Xây dựng Cầu đường	7580205_01	A00, A01, D07	200
12	Ngành Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Chuyên ngành Kỹ thuật nước - Môi trường nước	7580213_01	A00, A01, B00, D07	100
13	Ngành Kỹ thuật Môi trường (*)	7520320	A00, A01, B00, D07	50
14	Ngành Kỹ thuật vật liệu (*)	7520309	A00, A01, B00, D07	50

Stt	Ngành/ Chuyên ngành	Mã tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển thi THPT	Chỉ tiêu (dự kiến)
15	Ngành Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	7510105	A00, A01, B00, D07	100
16	Ngành Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D07	270
17	Ngành Khoa học Máy tính (*)	7480101	A00, A01, D07	130
18	Ngành Kỹ thuật cơ khí (*)	7520103	A00, A01, D07	80
19	Ngành Kỹ thuật cơ khí/ Chuyên ngành Máy xây dựng	7520103_01	A00, A01, D07	50
20	Ngành Kỹ thuật cơ khí/ Chuyên ngành Cơ giới hoá xây dựng	7520103_02	A00, A01, D07	50
21	Ngành Kỹ thuật cơ khí/ Chuyên ngành Kỹ thuật cơ điện (*)	7520103_03	A00, A01, D07	80
22	Ngành Kỹ thuật cơ khí/ Chuyên ngành Kỹ thuật ô tô (*)	7520103_04	A00, A01, D07	50
23	Ngành Kinh tế xây dựng	7580301	A00, A01, D07	450
24	Ngành Quản lý xây dựng/ Chuyên ngành Kinh tế và quản lý đô thị	7580302_01	A00, A01, D07	100
25	Ngành Quản lý xây dựng/ Chuyên ngành Kinh tế và quản lý bất động sản	7580302_02	A00, A01, D07	100
26	Ngành Quản lý xây dựng/ Chuyên ngành Quản lý hạ tầng, đất đai đô thị	7580302_03	A00, A01, D07	50
27	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D07	120
28	Ngành Kỹ thuật xây dựng (Chương trình đào tạo liên kết với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ)	7580201_QT	A00, A01, D07	15
29	Ngành Khoa học máy tính (Chương trình đào tạo liên kết với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ)	7480101_QT	A00, A01, D07	15
Tổng				3.800

Chú thích:

- (*): Các ngành, chuyên ngành đào tạo tiếp cận CDIO;
- Ngành Kỹ thuật xây dựng (*) (có 8 chuyên ngành) xét tuyển theo ngành đào tạo, sinh viên trúng tuyển, nhập học theo chương trình chung trong 3 năm đầu, sau đó được phân chuyên ngành căn cứ vào chỉ tiêu, nguyện vọng và kết quả học tập của sinh viên;
- Chỉ tiêu xét tuyển theo từng phương thức sẽ thông báo chi tiết trong Đề án tuyển sinh năm 2023;
- Mã tổ hợp và Tổ hợp môn xét tuyển Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023:

Stt	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lý, Hoá học
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
3	B00	Toán, Hóa học, Sinh học

Stt	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
4	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
5	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
6	D24	Toán, Hóa học, Tiếng Pháp
7	D29	Toán, Vật lý, Tiếng Pháp
8	V00	Toán, Vật lý, VẼ MỸ THUẬT
9	V01	Toán, Ngữ văn, VẼ MỸ THUẬT
10	V02	Toán, Tiếng Anh, VẼ MỸ THUẬT
11	V06	Toán, Địa lý, VẼ MỸ THUẬT
12	V10	Toán, Tiếng Pháp, VẼ MỸ THUẬT

3. Chương trình đào tạo Liên kết quốc tế với Đại học Mississippi - Hoa Kỳ: (30 chỉ tiêu), gồm hai ngành:

- 1) Kỹ thuật xây dựng (15 chỉ tiêu);
- 2) Khoa học máy tính (15 chỉ tiêu).

Sinh viên học theo chương trình 2+2, 2 năm học tại Trường, 2 năm học tại Đại học Mississippi (Hoa Kỳ). Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên được nhận bằng của Đại học Mississippi. (Chi tiết xem tại http://tuyensinh.huce.edu.vn/chuong-trinh-dai-hoc-va-du-bi-dai-hoc/Chuong-trinh-lien-ket-dao-tao-dai-hoc-giua-truong-Dai-hoc-Xay-dung-va-Dai-hoc-MISSISSIPPI-Hoa-Ky_219)

4. Các chương trình đào tạo Chất lượng cao PFIEV, Anh ngữ, Pháp ngữ:

Xét tuyển sau khi nhập học vào trường gồm có:

4.1. Chương trình đào tạo Chất lượng cao PFIEV (Kỹ sư tài năng Việt - Pháp) (120 chỉ tiêu)

Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Có 04 chuyên ngành:

- 1) Cơ sở Hạ tầng giao thông;
- 2) Kỹ thuật đô thị;
- 3) Kỹ thuật Công trình thủy;
- 4) Vật liệu xây dựng.

Hai năm đầu học theo chương trình chung sau đó phân vào các chuyên ngành.

Chương trình PFIEV được thực hiện theo Nghị định thư ngày 12 tháng 11 năm 1997 giữa Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Pháp; Chương trình được Ủy ban văn bằng kỹ sư Pháp (CTI), Cơ quan kiểm định các chương trình đào tạo kỹ sư Châu Âu (ENAAE) và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận tương đương trình độ thạc sĩ.

4.2. Các chương trình đào tạo Pháp ngữ - Hợp tác với AUF (Tổ chức đại học Pháp ngữ), gồm có:

- 1) Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (XF) (50 chỉ tiêu);

2) Ngành Kiến trúc (KDF) (50 chỉ tiêu).

4.3. Các chương trình đào tạo Anh ngữ

1) Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (XE) (100 chỉ tiêu);

2) Ngành Kỹ thuật xây dựng/ Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật trong công trình (HKEC) (50 chỉ tiêu);

3) Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông/ Chuyên ngành Xây dựng Cầu đường (CDE) (50 chỉ tiêu);

4) Ngành Kỹ thuật Cấp thoát nước/ Chuyên ngành Kỹ thuật nước - Môi trường nước (MNEC) (50 chỉ tiêu);

5) Ngành Kinh tế xây dựng (KTE) (50 chỉ tiêu);

6) Ngành Kiến trúc (KDE) (50 chỉ tiêu).

5. Nguyên tắc xét tuyển, thời gian và chỉ tiêu tuyển sinh theo từng phương thức xét tuyển: Thông báo chi tiết trong Đề án tuyển sinh năm 2023.

6. Mô hình và chương trình đào tạo:

Từ khóa tuyển sinh năm 2020, các chương trình đào tạo của Trường được thiết kế theo 3 mô hình như sau:

a) Chương trình Cử nhân Kỹ thuật/Kiến trúc (4 năm), người tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân (đại học);

b) Chương trình tích hợp Cử nhân - Kỹ sư/Kiến trúc sư (5 ÷ 5,5 năm), người tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân và bằng Kỹ sư/Kiến trúc sư;

c) Chương trình tích hợp Cử nhân - Thạc sĩ (5,5 năm), người tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân và bằng Thạc sĩ.

Căn cứ vào kế hoạch cá nhân (học tập/làm việc) sinh viên có thể lựa chọn và đăng ký chương trình phù hợp vào cuối năm thứ 3.

7. Thông tin bộ phận Tư vấn tuyển sinh Đại học:

P.304 nhà A1 - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Điện thoại: (024) 3869 471; Hotline: 0869 071 382

Email: tuyensinhdh@huce.edu.vn

Trang Thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.huce.edu.vn/>

Nơi nhận:

- Website Trường, Website tuyển sinh;
- Lưu: VT, TT&TS.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Xuân Anh